

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, cấp xã  
cho các chương trình, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng  
nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quy định tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước các cấp cho các nội dung trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 227/TTr-UBND ngày 12/12/2017 của UBND huyện đề nghị thông qua Nghị quyết về quy định tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện cấp xã cho các nội dung trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới triển khai trên địa bàn huyện, giai đoạn 2017-2020; Báo cáo thẩm tra số 17/BC-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh : Nghị quyết này quy định tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, cấp xã cho các chương trình, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020.

2. Đối tượng áp dụng:

- Người dân và cộng đồng dân cư nông thôn;
- Hệ thống chính trị cấp huyện và cấp xã
- Doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội.

**Điều 2. Thời gian thực hiện và tỷ lệ hỗ trợ cho từng nội dung cụ thể**

1. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực cho đến hết năm 2020.

2. Tỷ lệ hỗ trợ cho từng nội dung cụ thể: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân các xã, thị trấn căn cứ vào tỷ lệ, mức hỗ trợ tại Nghị quyết này để bố trí ngân sách cấp mình và huy động đóng góp từ người dân để đối ứng theo tỷ lệ quy định.

2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, ban hành suất đầu tư cho từng nội dung đối với từng loại công trình được hỗ trợ đầu tư, làm cơ sở để phân bổ vốn ngân sách huyện, ngân sách xã.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Nam Giang khóa XI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2017./.

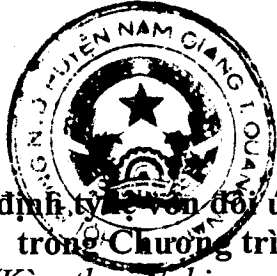
**Nơi nhận:**

- HĐND, UBND tỉnh;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khoá XI;
- Các Phòng, Ban, ngành, Đoàn thể huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



**Chờ Rum Nhiên**



## PHỤ LỤC

Quy định tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách cấp huyện, cấp xã cho các nội dung trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

(Kèm theo Nghị quyết số 33 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân huyện Nam Giang)

ĐVT: %

TT	Nội dung hỗ trợ	Tỷ lệ hỗ trợ theo tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt	
		Ngân sách huyện	Ngân sách xã và huy động khác (bao gồm đóng góp của nhân dân bằng ngày công lao động hoặc vật liệu tại địa phương)
1	Đào tạo, tập huấn kiến thức về nông thôn mới; đào tạo nghề cho lao động nông thôn.	100% từ ngân sách nhà nước; mức chi cụ thể theo quy định hiện hành; cấp nào phê duyệt kế hoạch đào tạo thì sử dụng ngân sách (viết tắt là NS) cấp đó chi hỗ trợ theo quy định	
2	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới (rà soát, bổ sung quy hoạch NTM)	10	0
3	Xây dựng trường học	10	0
4	Xây dựng trạm y tế xã	10	0
5	Xây dựng nhà văn hóa – khu thể thao xã; khu vui chơi trẻ em	10	0
6	Xây dựng nhà văn hóa – khu thể thao thôn	5	5
7	Công trình thoát nước thải, xử lý nước thải khu dân cư	5	5
8	Xây dựng hạ tầng (ngoài hàng rào) các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung	5	5
9	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung	10	0
10	Trụ sở xã	10	0
11	Cầu, công dân sinh	10	0
12	Hỗ trợ xây dựng, cải tạo nghĩa trang theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt	10	0

13	Cải tạo nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện nông thôn	10	0
14	Chợ nông thôn	10	0
15	Cảnh quan môi trường nông thôn (bồn hoa, cây xanh, vỉa hè, chỉnh trang khu trung tâm, điện chiếu sáng đường trục chính, các hạng mục vệ sinh môi trường nông thôn)	5	5
16	Đường giao thông nội đồng, đường vào khu sản xuất tập trung, cống thoát nước đường giao thông nội đồng		
-	Bê tông hóa, cống thoát nước: Được áp dụng theo định mức, đơn giá giao thông nông thôn hiện hành	15	5
-	Cứng hóa đường giao thông nội đồng, đường vào khu sản xuất tập trung bằng cấp phối	15	5
17	Đường giao thông nông thôn, cống thoát nước đường giao thông nông thôn	<p>- Bê tông hóa, cống thoát nước: Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 159/2015/NQ-HĐND ngày 07/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016 – 2020 (ngân sách tỉnh 70%; ngân sách huyện 20%; xã và huy động khác đối ứng 10%); Quyết định số 2740/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án Phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016 - 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). Riêng đối với đường giao thông ở các xã, nếu chưa có nền đường thì ngân sách Trung ương, tỉnh hỗ trợ thêm để làm nền đường nhưng không quá 500 triệu đồng/km, phần nền đường còn lại ngân sách huyện 20%, xã và huy động khác đối ứng 10%.</p> <p>- Cứng hóa đường giao thông nông thôn bằng cấp phối: Ngân sách Trung ương,</p>	

		tinh hỗ trợ tối đa 320 triệu đồng/km; phần còn lại ngân sách huyện 20%, xã và huy động khác đối ứng 10%.
18	Thủy lợi nhỏ, thủy lợi đất màu và kiên cố hóa kênh mương	Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 205/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 của HĐND tỉnh về cơ chế đầu tư kiên cố hóa kênh mương, thủy lợi đất màu và thủy lợi nhỏ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020 (Nghị quyết 205); Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết 205 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), theo đó ngân sách tỉnh 90%; ngân sách huyện đối ứng 10%.
19	Hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ	Thực hiện theo Nghị quyết số 193/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức hỗ trợ các hoạt động về phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 của UBND tỉnh về quy định mức hỗ trợ các hoạt động về phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn giai đoạn 2016-2020 và các quy định hiện hành.  Đối với các nội dung hỗ trợ chưa được quy định tại Nghị quyết số 193/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh và Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 của UBND tỉnh thì các địa phương lập phương án gửi Sở Nông nghiệp và PTNT (hoặc Sở Công Thương/Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch nếu là Phương án hỗ trợ phát triển sản xuất ngành nghề nông thôn, tiêu thụ công nghiệp/dịch vụ du lịch) để tham gia ý kiến bằng văn bản về sự phù hợp quy hoạch, nội dung hỗ trợ, quy mô, định mức kinh tế-kỹ thuật làm căn cứ thực hiện các bước tiếp theo.
20	Hỗ trợ phát triển hợp tác xã	Thực hiện theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-

		2020 và Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam Ban hành một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn theo Nghị quyết số 124/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
21	Hỗ trợ xây dựng “khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”	Mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, tỉnh 500 triệu đồng/khu, tối đa 01 khu/xã; phần còn lại ngân sách huyện 50%, xã và huy động khác đối ứng 50%; khuyến khích các xã vận động cộng đồng dân cư, và cân đối ngân sách của xã, để hỗ trợ nhân rộng mô hình “khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu” ngoài chỉ tiêu nêu trên.
22	Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	Mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, tỉnh: 100%; ngân sách huyện, xã duy trì hoạt động.
23	Hỗ trợ đầu tư các tiêu chí hạ tầng của tiêu chí huyện nông thôn mới tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ (đối với tiêu chí cấp huyện)	Ngân sách Trung ương, tỉnh: 60%; ngân sách huyện: 40%.

\* Ghi chú: Kinh phí hỗ trợ giải phóng mặt bằng không thuộc các nội dung nêu trên; ngân sách huyện bố trí 100% kinh phí thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.